



**CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 37

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2021)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/08/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Nam Tiên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Số: 42/2021/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 08 năm 2021, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

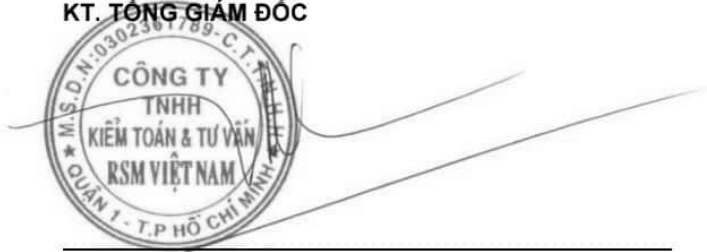
(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		309.151.242.208	291.490.427.603
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	46.059.966.191	66.443.291.046
1. Tiền	111		22.544.382.308	39.935.815.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.515.583.883	26.507.475.873
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	1.088.500.000	1.088.500.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.088.500.000	1.088.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		260.961.020.256	223.321.547.035
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	243.995.318.057	216.686.723.745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	8.155.433.531	2.485.109.386
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	15.784.308.995	10.210.182.971
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(6.974.040.327)	(6.060.469.067)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.041.755.761	637.089.522
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		290.421.362	96.288.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	227.102.207	16.569.330
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	524.232.192	524.232.192
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		112.819.981.561	111.116.911.734
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.657.826.880	2.689.171.880
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	2.657.826.880	2.689.171.880
II. Tài sản cố định	220		46.893.203.588	48.055.520.524
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	20.560.703.588	21.700.520.524
Nguyên giá	222		52.798.281.583	53.311.832.362
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.237.577.995)	(31.611.311.838)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	26.332.500.000	26.355.000.000
Nguyên giá	228		26.400.000.000	26.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.500.000)	(45.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	61.665.809.962	59.819.269.370
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		60.539.659.962	58.693.119.370
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		400.000.000	400.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.603.141.131	552.949.960
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.603.141.131	552.949.960
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		421.971.223.769	402.607.339.337

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		184.695.800.055	181.671.663.844
I. Nợ ngắn hạn	310		142.390.800.055	139.366.663.844
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	108.087.774.461	107.717.037.061
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.594.637.069	42.216.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	4.866.081.555	2.784.900.429
4. Phải trả người lao động	314	4.11	8.442.846.480	12.973.600.073
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	3.117.292.363	4.919.448.829
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	13.962.206.264	9.319.408.992
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.319.961.863	1.610.051.979
II. Nợ dài hạn	330		42.305.000.000	42.305.000.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.14	9.500.000.000	9.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	32.805.000.000	32.805.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.275.423.714	220.935.675.493
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15.1	237.275.423.714	220.935.675.493
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.059.590.857	5.059.590.857
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		101.603.752	108.342.177
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		689.577.688	627.549.278
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		131.424.651.417	115.140.193.181
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		107.682.277.836	98.249.151.996
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.742.373.581	16.891.041.185
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		421.971.223.769	402.607.339.337



Nguyễn Nam Tiến

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Anh Nam

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	707.720.333.574	602.944.703.472
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		707.720.333.574	602.944.703.472
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	678.574.311.703	581.644.229.195
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.146.021.871	21.300.474.277
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.584.398.940	3.335.901.927
6. Chi phí tài chính	22		448.945.745	2.089.421.831
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		7.824.958.058	3.152.695.147
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	10.254.167.319	7.807.674.996
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.852.265.805	17.891.974.524
10. Thu nhập khác	31		8.182.700	182.642.470
11. Chi phí khác	32		18.074.924	-
12. Lợi nhuận khác	40		(9.892.224)	182.642.470
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.842.373.581	18.074.616.994
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	4.100.000.000	3.071.444.435
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.742.373.581	15.003.172.559
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		23.742.373.581	15.003.172.559
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.3	2.587	1.630
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	2.464	1.630



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.842.373.581	18.074.616.994
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	1.302.433.116	1.268.538.865
Các khoản dự phòng	03		913.571.260	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		272.371.707	(41.576.506)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.239.433.906)	(3.940.211.278)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		22.091.315.758	15.361.368.075
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.192.986.562)	(58.934.294.302)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.063.168.411)	33.763.566.019
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.244.324.533)	626.892.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.720.754.166)	(941.511.211)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(502.133.816)	(1.214.757.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.632.051.730)	(11.338.736.316)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(198.500.000)	(2.905.407.184)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		40.332.250	227.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(828.500.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		652.127.418	614.546.411
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		493.959.668	(2.892.088.046)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.200.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.200.000.000)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	(50 = 20+30+40)		(20.338.092.062)	(14.230.824.362)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		66.443.291.046	74.035.149.911
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(45.232.793)	99.341.370
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	(70 = 50+60+61)		46.059.966.191	59.903.666.919



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 05 năm 2021.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2021 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 11 năm 2020.
- Chi nhánh tại Quy Nhơn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-004 ngày 21 tháng 06 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Chi nhánh tạm ngừng hoạt động kinh doanh thêm 01 năm từ ngày 01/04/2021 đến 31/03/2022 theo nghị quyết số 329/2021/NQ/VNL-HĐQT ngày 09/03/2021.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30/06/2021 là 341 người (31/12/2020 là: 339 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Các công ty con được hợp nhất**Công ty con trực tiếp:**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10-11C/168, Samdach Monireth Blvd (St.217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	100,00%	100,00%

1.6. Các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	27,89%	27,89%
2.	Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Lô KB13, Đường T5, Khu thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	30,00%	56,52%
3.	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%
4.	Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Số 46-48 Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%
5.	Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30 Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%
6.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 436-438 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%
7.	Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 11 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh của Tập đoàn.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo và chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo. Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

3.10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

3.11. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.13. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ được cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.16. Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế: 0%;
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	2.196.307.410	4.091.430.196
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.348.074.898	34.880.169.592
Tiền đang chuyển	-	964.215.385
Các khoản tương đương tiền (*)	23.515.583.883	26.507.475.873
Cộng	46.059.966.191	66.443.291.046

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,8%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 4 tháng đến 12 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất từ 3,1%/năm đến 5,1%/năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất 5,3%/năm.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	4.908.430.302	12.920.284.975	4.908.430.302	12.658.029.753
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.927.800.000	7.130.658.444	1.927.800.000	8.341.375.018
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000	4.672.006.140	946.800.000	2.094.575.581
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	3.918.874.000	6.326.870.490	3.918.874.000	6.713.224.684
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000	10.161.108.937	4.392.000.000	9.971.729.933
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	19.120.589.000	16.001.616.111	19.120.589.000	16.248.438.691
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000	3.327.114.864	2.000.000.000	2.665.745.710
Tổng cộng	37.214.493.302	60.539.659.962	37.214.493.302	58.693.119.370

Đầu tư vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans với tỷ lệ góp vốn là 9,81%.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	31.509.179	84.763.092
Phải thu khách hàng trong nước:	214.689.727.991	193.611.386.641
<i>Công ty TNHH Techtronic Industries Việt Nam Manufacturing</i>	56.696.937.527	28.901.518.099
<i>Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet</i>	37.249.539.296	27.723.283.441
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>	16.486.453.082	27.322.419.970
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng</i>	10.856.800.000	15.106.800.000
<i>Công ty TNHH Một Thành Viên Giao Nhận Vận Tải Tân Xín Việt Nam</i>	7.194.780.917	2.826.683.974
<i>Công ty TNHH Logistics Đông Dương và Viễn Đông</i>	4.985.756.087	5.530.254.254
<i>Công ty TNHH Thời Trang Star</i>	2.403.498.910	2.389.999.397
<i>Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Ium Logistics</i>	1.072.997.533	1.249.451.692
<i>Khách hàng khác trong nước</i>	77.742.964.639	82.560.975.814
Phải thu khách hàng nước ngoài:	29.274.080.887	22.990.574.012
<i>Openroad Transportation Inc</i>	11.512.913.112	390.120.760
<i>The Ultimate Freight - Management and Logistics Inc.</i>	4.598.709.368	-
<i>The Ultimate Logistics Services Inc.</i>	3.549.947.698	-
<i>TPF Sports HK Ltd</i>	1.506.821.309	1.257.125.681
<i>Ziegler Logistics (Hong Kong) Ltd</i>	283.627.666	1.804.735.354
<i>Lamaignere Cargo Korea</i>	-	7.357.982.056
<i>GC Logistics Inc.</i>	-	3.747.448.975
<i>Khách hàng nước ngoài khác</i>	7.822.061.734	8.433.161.186
Cộng	243.995.318.057	216.686.723.745

Tại ngày 30/06/2021, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	1.000.000.000	1.000.000.000
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Thịnh Thành	3.140.795.890	70.457.056
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu HM Việt Nam	2.762.596.634	158.587.041
Các nhà cung cấp khác	1.252.041.007	1.256.065.289
Cộng	8.155.433.531	2.485.109.386

Tại ngày 30/06/2021, trả trước cho người bán ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 7	5.961.410.511	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên làm hàng	5.341.542.253	-	4.936.591.018	-
Ký cược, ký quỹ Công ty TNHH MTV Phú An Thạnh (*)	1.145.600.000	-	1.831.964.883	-
Phải thu khác	2.379.352.207	-	2.689.352.207	-
	956.404.024	-	752.274.863	-
Cộng	15.784.308.995	-	10.210.182.971	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.157.826.880	-	2.189.171.880	-
Phải thu khác	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	2.657.826.880	-	2.689.171.880	-

(*) Là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An liên quan đến hợp đồng thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Tập đoàn đã thỏa thuận với Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh để thanh lý hợp đồng và thu hồi lại khoản ứng trước trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	13.298.800.327	6.324.760.000	16.635.229.067	10.574.760.000

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dư nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	15.106.800.000	10.574.760.000
Dư nợ từ 1 - 2 năm	10.856.800.000	6.324.760.000	-	-
Dư nợ từ trên 3 năm	2.442.000.327	-	1.528.429.067	-
Cộng	13.298.800.327	6.324.760.000	16.635.229.067	10.574.760.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	21.838.529.093	518.990.476	29.641.853.360	1.312.459.433	53.311.832.362
Mua trong kỳ	-	-	-	198.500.000	198.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(712.050.779)	(712.050.779)
Tại ngày 30/06/2021	21.838.529.093	518.990.476	29.641.853.360	798.908.654	52.798.281.583
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	7.304.933.376	160.432.044	22.921.840.806	1.224.105.612	31.611.311.838
Khấu hao trong kỳ	438.253.566	63.480.524	762.960.691	15.238.335	1.279.933.116
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(653.666.959)	(653.666.959)
Tại ngày 30/06/2021	7.743.186.942	223.912.568	23.684.801.497	585.676.988	32.237.577.995
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	14.533.595.717	358.558.432	6.720.012.554	88.353.821	21.700.520.524
Tại ngày 30/06/2021	14.095.342.151	295.077.908	5.957.051.863	213.231.666	20.560.703.588

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.800.716.273 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	26.130.000.000	270.000.000	26.400.000.000
Tại ngày 30/06/2021	26.130.000.000	270.000.000	26.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	-	45.000.000	45.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	22.500.000	22.500.000
Tại ngày 30/06/2021	-	67.500.000	67.500.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	26.130.000.000	225.000.000	26.355.000.000
Tại ngày 30/06/2021	26.130.000.000	202.500.000	26.332.500.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán trong nước:	82.037.340.422	82.037.340.422	75.096.358.444	75.096.358.444
<i>Công ty TNHH Giao Nhập Vận Tài Newstar</i>	4.191.515.436	4.191.515.436	3.075.250.843	3.075.250.843
<i>Công ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Minh Phương Nam Hà Nội</i>	3.740.065.344	3.740.065.344	5.271.125.289	5.271.125.289
<i>Văn Phòng bán vé HHK Japan Airlines Co., Ltd</i>	3.621.207.697	3.621.207.697	3.000.698.398	3.000.698.398
<i>Công ty TNHH Harvest Global Forwarding (Việt Nam)</i>	2.158.437.599	2.158.437.599	1.805.070.971	1.805.070.971
<i>Công ty TNHH United Trans Vietnam</i>	829.859.491	829.859.491	8.190.486.596	8.190.486.596
<i>Người bán khác trong nước</i>	67.496.254.855	67.496.254.855	53.753.726.347	53.753.726.347
Phải trả cho người bán nước ngoài:	26.050.434.039	26.050.434.039	32.620.678.617	32.620.678.617
<i>Portever Shipping (H.K.) Co., Ltd</i>	1.132.909.825	1.132.909.825	1.062.293.792	1.062.293.792
<i>AD Rem Transport Uab Ningbo Hightime International Logistics Co.,Ltd</i>	1.034.609.827	1.034.609.827	880.010.076	880.010.076
<i>Eagles Air & Sea (Thailand) Co., Ltd</i>	785.669.158	785.669.158	1.718.098.274	1.718.098.274
<i>Goodpack Pte Ltd</i>	618.131.465	618.131.465	779.228.654	779.228.654
<i>Full Global Logistics Solutions Limited</i>	503.588.449	503.588.449	564.257.866	564.257.866
<i>Shanghai Vast International Freight Co., Ltd.</i>	497.005.091	497.005.091	850.348.039	850.348.039
<i>Đại lý nước ngoài khác</i>	472.031.561	472.031.561	446.432.575	446.432.575
	21.006.488.663	21.006.488.663	26.320.009.341	26.320.009.341
Cộng	108.087.774.461	108.087.774.461	107.717.037.061	107.717.037.061

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2021		Số phát sinh trong kỳ		Số đã khấu trừ trong kỳ	Tại ngày 30/06/2021	
	VND		VND		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16.569.330		16.696.532.652		16.485.999.775	227.102.207	
	Tại ngày 01/01/2021		Trong kỳ			Tại ngày 30/06/2021	
	VND		VND			VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	550.592.919	18.121.878.655	2.145.734.299	16.485.999.775	-	40.737.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.720.754.166	4.100.000.000	1.720.754.166	-	-	4.100.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	391.283.387	4.595.914.143	4.342.358.144	-	-	644.839.386
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	524.232.192	-	1.061.080	1.061.080	-	524.232.192	-
Các loại thuế khác	-	122.269.957	644.771.143	686.536.431	-	-	80.504.669
Cộng	524.232.192	2.784.900.429	27.463.625.021	8.896.444.120	16.485.999.775	524.232.192	4.866.081.555

Trong năm 2018, Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty mẹ áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty mẹ ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
 - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
 - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 - 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương trong kỳ còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2021.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Cước vận chuyển, phí làm hàng	3.111.947.046	4.913.723.794
Các khoản trích trước khác	5.345.317	5.725.035
Cộng	3.117.292.363	4.919.448.829

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả	12.526.809.317	3.910.450.896
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.435.396.947	5.408.958.096
Cộng	13.962.206.264	9.319.408.992
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.000.000	5.000.000
Cộng	32.805.000.000	32.805.000.000

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB. 14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 10.

4.14. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 10.

Từ năm 2021, theo tình hình thực tế, Công ty mẹ đã có Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021 điều chỉnh kế hoạch phân bổ lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước của hợp đồng 2391/HĐHT.12 nêu trên cho thời gian còn lại phù hợp theo tiến độ thực hiện của hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	90.000.000.000	5.059.590.857	10.000.000.000	91.899.065	569.608.287	105.734.809.709	211.455.907.918
Lợi nhuận 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	15.003.172.559	15.003.172.559
Chia cổ tức đợt 2 năm 2019	-	-	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Tặng/Giảm khác	-	-	-	15.728.906	57.940.991	(159.448.262)	(85.778.365)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019	-	-	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Tại ngày 30/06/2020	90.000.000.000	5.059.590.857	10.000.000.000	107.627.971	627.549.278	113.028.534.006	218.823.302.112
Lợi nhuận 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	8.187.868.626	8.187.868.626
Tặng/Giảm khác	-	-	-	714.206	-	223.790.549	224.504.755
Chia cổ tức đợt 1 năm 2020	-	-	-	-	-	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Tại ngày 01/01/2021	90.000.000.000	5.059.590.857	10.000.000.000	108.342.177	627.549.278	115.140.193.181	220.935.675.493
Lợi nhuận 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	23.742.373.581	23.742.373.581
Chia cổ tức đợt 2 năm 2020	-	-	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Tặng/Giảm khác	-	-	-	(6.738.425)	62.028.410	142.084.655	197.374.640
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020	-	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Tại ngày 30/06/2021	90.000.000.000	5.059.590.857	10.000.000.000	101.603.752	689.577.688	131.424.651.417	237.275.423.714

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.15.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của công ty mẹ	23.742.373.581	15.003.172.559
Trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	(460.697.355)	(329.498.280)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.281.676.226	14.673.674.279
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.587	1.630

(*) Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được tạm tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 04 năm 2021.

4.15.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của công ty mẹ	23.742.373.581	15.003.172.559
Trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	(460.697.355)	(329.498.280)
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.281.676.226	14.673.674.279
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	450.000	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.450.000	9.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.464	1.630

(*) Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) được trừ ra khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tạm tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 04 năm 2021.

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	546.944,40	1.202.496,23

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu Trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	459.984.936.979	312.993.937.991
<i>Dịch vụ đường biển</i>	223.020.932.195	82.925.607.537
<i>Dịch vụ hàng không</i>	182.087.690.099	169.717.771.711
<i>Dịch vụ logistics</i>	54.876.314.685	60.350.558.743
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	210.033.673.704	254.315.424.871
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	28.292.722.350	23.641.978.706
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	9.409.000.541	5.316.028.004
Doanh thu công ty con	-	6.677.333.900
Cộng	707.720.333.574	602.944.703.472
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	462.312.533	146.224.188

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn Trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	432.554.771.082	294.744.964.127
<i>Dịch vụ đường biển</i>	210.118.198.950	74.803.319.406
<i>Dịch vụ hàng không</i>	172.611.120.775	163.793.167.728
<i>Dịch vụ logistics</i>	49.825.451.357	56.148.476.993
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	208.874.350.616	252.658.540.055
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	28.307.447.040	23.638.885.829
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	8.837.742.965	5.212.467.566
Giá vốn chi nhánh Quy Nhơn	-	32.973.633
Giá vốn công ty con	-	5.356.397.985
Cộng	678.574.311.703	581.644.229.195
Trong đó, giá vốn dịch vụ cung cấp từ các bên liên quan - Xem thêm mục 7	317.182.065	366.523.094

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lãi tiền gửi	432.527.418	614.546.411
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.151.871.522	2.679.779.010
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	41.576.506
Cộng	<u>1.584.398.940</u>	<u>3.335.901.927</u>

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nhân viên	6.373.337.831	4.998.666.522
Chi phí vật liệu	77.112.304	66.456.156
Chi phí đồ dùng văn phòng	29.621.500	16.260.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	261.136.299	260.420.561
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	918.274.637	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.539.248.961	1.389.891.942
Các chi phí khác	1.050.435.787	1.070.979.815
Cộng	<u>10.254.167.319</u>	<u>7.807.674.996</u>

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nhân công	38.890.775.758	30.491.252.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.302.433.116	1.268.538.865
Chi phí dự phòng	913.571.260	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	618.256.133.875	453.595.888.560
Chi phí khác bằng tiền	29.465.565.013	104.096.224.188
Cộng	<u>688.828.479.022</u>	<u>589.451.904.191</u>

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Là chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thành phố Hà Nội;
- Khác bao gồm: Thành phố Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Quy Nhơn và Vương quốc Campuchia.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021:

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu đồng Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hợp nhất										
Từ khách hàng bên ngoài	459.985	312.994	210.034	254.315	37.702	35.635	-	-	707.720	602.945
Giữa các bộ phận	-	646	-	-	-	467	-	(1.113)	-	-
Cộng	459.985	313.640	210.034	254.315	37.702	36.102	-	(1.113)	707.720	602.945
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất										
Kết quả của bộ phận	27.430	18.249	1.159	1.657	556	1.395	-	-	29.146	21.300
Chi phí không phân bổ									(10.254)	(7.808)
Phần lợi ích trong công ty liên doanh, liên kết									7.825	3.153
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									26.717	16.645
Thu nhập tài chính									1.584	3.336
Chi phí tài chính									(449)	(2.089)
Lợi nhuận khác									(10)	182
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(4.100)	(3.071)
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế									23.742	15.003

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021
Tài sản của bộ phận	343.625	310.902	82.615	97.617	16.657	14.583	(20.927)	(20.494)	421.971	402.607
Tổng tài sản hợp nhất									421.971	402.607
Nợ phải trả của bộ phận	135.106	116.887	75.561	96.440	15.021	12.664	(40.993)	(44.318)	184.696	181.672
Tổng nợ phải trả hợp nhất									184.696	181.672
	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	199	2.205	-	701	-	-	-	-	199	2.905
Chi phí khấu hao	1.169	1.114	106	113	27	42	-	-	1.302	1.269

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vina Vinatrans	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
9. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	16.440.000	75.711.000
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	15.069.179	7.885.512
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	-	1.166.580
Cộng - Xem thêm mục 4.3	31.509.179	84.763.092

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
--	--	--

Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.4:

Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.5	5.961.410.511	-

Phải thu ngắn hạn khác:

Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	5.100.000.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	861.410.511	-
Cộng - Xem thêm mục 4.5	5.961.410.511	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán dịch vụ:		
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	236.724.354	114.141.953
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	186.750.544	23.585.520
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	29.424.545	-
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	9.413.090	8.496.715
Cộng - Xem thêm mục 5.1	462.312.533	146.224.188
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	128.310.706	34.790.916
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	98.354.000	178.818.732
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vina Vinatrans	70.600.000	56.090.909
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	19.917.359	82.174.657
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	-	14.647.880
Cộng - Xem thêm mục 5.2	317.182.065	366.523.094

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	342.416.000	342.416.000
Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.082.463.994	783.027.613
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	864.558.080	584.502.548
Ông Trương Minh Long	Thành viên HĐQT	-	98.880.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	20.216.000	33.200.000
Ông Đinh Quang Ngọc	(miễn nhiệm ngày 01/08/2021)	414.352.000	423.352.000
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/04/2021)	9.000.000	-
Cộng		<u>2.733.006.074</u>	<u>2.265.378.161</u>

8. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	30.000.000	30.000.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 01/07/2021, Tập đoàn thông qua việc triển khai, thực hiện phương án phát hành 450.000 cổ phiếu, tương ứng 5% lượng cổ phiếu đang lưu hành theo phương thức chào bán trực tiếp cho cán bộ nhân viên chủ chốt của Tập đoàn theo danh sách được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 550/NQ/VNL-HĐQT ngày 27/04/2021 và Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 789/2021/QĐ/VNL-HĐQT ngày 01/07/2021. Thời điểm thực hiện dự kiến từ quý 2 đến quý 3 năm 2021.

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tích cực về mặt tài chính cho Tập đoàn đến ngày 30/06/2021 nhưng Tập đoàn cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài các ảnh hưởng nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những giai đoạn tài chính sắp tới.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Tập đoàn có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12, Tập đoàn nhận trước tiền phân chia lợi nhuận hợp tác khoán gọn đến ngày 31/07/2029 với số tiền là 36 tỷ đồng và được phân bổ vào doanh thu hằng năm dựa vào lịch trình theo công văn số 1360/2016/CV/VNL-ADM ngày 01/10/2016 và Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021. Và theo hợp đồng số 2392/HĐĐB.14, Tập đoàn sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sân kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Tập đoàn sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Tập đoàn đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Tập đoàn đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do cơ quan có thẩm quyền chưa có quyết định thu hồi khu đất để giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội thực hiện dự án đầu tư theo định hướng quy hoạch của TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2371/2020/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2020, Tập đoàn đã chấp thuận việc chấm dứt hoạt động từ ngày 01/11/2020 của dự án đầu tư ra nước ngoài của Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) – Công ty con theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 575/BKHĐT-ĐTRNN ngày 20/12/2012. Đến nay, Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) đang trong quá trình chuẩn bị thủ tục, hồ sơ giải thể.



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

**Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN
(kèm theo CBTT Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2021)**

Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink giải trình về việc chênh lệch Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế TNDN giữa Báo cáo tài chính (báo cáo riêng, hợp nhất) bán niên năm 2021 và Báo cáo tài chính (báo cáo riêng, hợp nhất) bán niên năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Bán niên năm 2021	Bán niên năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ%
Doanh thu thuần_BCTC riêng	707.720.333.574	596.913.157.688	110.807.175.886	18,56%
Doanh thu thuần_BCTC Hợp nhất	707.720.333.574	602.944.703.472	104.775.630.102	17,38%
Lợi nhuận sau thuế_BCTC riêng	23.034.867.747	16.474.914.004	6.559.953.743	39,82%
Lợi nhuận sau thuế_BCTC hợp nhất	23.742.373.581	15.003.172.559	8.739.201.022	58,25%

Lý do:

- Doanh thu thuần tăng: do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid_19 làm giá cước vận chuyển quốc tế tăng cao.
- Lợi nhuận sau thuế tăng do:
 - + Lợi nhuận dịch vụ vận chuyển quốc tế bằng đường biển và hàng không tăng
 - + Lợi nhuận các Công ty liên doanh, liên kết tăng.

**Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN NAM TIẾN